TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CK** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2021/DS-ST Ngày: 26-11-2021 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CK, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diêu Hoàng Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Đừng

Ông Dương Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CK xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn Tr, sinh năm 1964;

Cư trú: Ấp Bưng L, xã Tam Ng, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn S(còn có tên gọi khác là Dự), sinh năm 1982

Cư trú: Ấp Ngọc Hồ, xã Tam Ngãi, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cư trú: Ấp Bưng L, xã Tam Ng, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Văn Tr trình bày:

Ông và ông Lê Văn S(Dự) có hợp đồng mua bán cam trái với nhau, ông là chủ vườn cam, ông Sự là người mua cam trái. Vào ngày 01/3/2020 (nhằm ngày 08/2 âl) ông và ông Sự có ký hợp đồng mua bán cam trái giá 360.000.000 đồng, thời hạn đến ngày 22/4/2020 (nhằm ngày 30/3 âl) thì trả lại vườn. Số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng, còn lại 260.000.000 đồng đến khi nào cắt cam trái thì trả trên đầu tấn mỗi tấn trả 15.000.000 đồng. Trong quá trình cắt cam phía ông Sự đã trả đủ số tiền mua cam tổng cộng 360.000.000 đồng. Thời điểm mua bán cam ông Sự cần tiền để mua cam trái vườn ở chổ khác nên ngày 16/3/2020 âl có hỏi vay của ông số tiền 30.000.000 đồng có giấy viết tay do ông Sự viết, hẹn sau 01 tháng sẽ trả. Đến ngày hẹn trả ông Trân có đi đòi nhiều lần thì ông Sự trả được 02 lần, lần đầu trả ngày 24/4/2020 âl số tiền 4.000.000 đồng, lần hai trả ngày 24/8/2020 âl số tiền 7.000.000 đồng. Còn lại số tiền 19.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay tại Tòa ông yêu cầu ông Lê Văn Sự, (Dự) có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn thiếu 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Số tiền 30.000.000 đồng là tiền cho vay không tính lãi. Nguồn tiền cho vay là của nhà ông chứ không phải tiền còn thiếu trong việc mua bán cam.

Việc ông Lê Văn Strình bày ông Sự có để 09 giỏ cam tương đương số tiền 4.000.000 đồng trong vườn của ông Trân và cấn trừ vào số tiền còn thiếu nợ nêu trên thì ông Trân không đồng ý vì cam đó của ông Sự bẻ tự bỏ lại trong vườn cam nhà ông đến hư hỏng, ông Trân không có bán hay sử dụng nên không đồng ý cấn trừ vào số tiền còn thiếu. Ông Trân không yêu cầu định giá 09 giỏ cam, ông thống nhất giá trị 4.000.000 đồng. Tại Toà hôm nay ông Sự đề nghị rút lại yêu cầu khởi kiện phản tố thì ông không có ý kiến gì.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn S(Dự) trình bày: Trước đây do lâu quá ông không nhớ ngày nào, do cần tiền trong việc mua cam trái của người khác nên ông có đến gặp ông Cao Văn Tr để hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, việc vay tiền không có lãi xuất, ông có viết giấy thể hiện có vay tiền 30.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả. Trước đây, ông có trả được 03 lần cũng không nhớ ngày tháng nào lần đầu trả được 4.000.000 đồng, lần hai trả được 7.000.000 đồng, lần ba trả được 6.000.000 đồng còn lại 13.000.000 đồng ông Trân thấy ông bị lỗ tiền mua cam nên giảm bớt tiền nợ cho ông số tiền 7.000.000 đồng do đó hiện nay ông chỉ còn thiếu ông Trân số tiền là 6.000.000 đồng, tiền này là tiền vay mượn chứ không phải tiền mua bán cam. Tại toà hôm nay ông không có xuất trình được tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền như lời ông trình bày. Do đó, sau khi nghe giải thích ông cũng đồng ý trả số tiền 19.000.000 đồng như yêu cầu của ông Trân.

Trong thời gian mua bán cam thì đợt bẻ cam cuối cùng ông có để lại vườn nhà ông Trân 9 giỏ cam khoảng 250 kg giá tương đương 4.000.000 đồng ông Trân đã đem bán lấy tiền nên trước đây theo đơn khởi kiện phản tố ông yêu

cầu cấn trừ vào số tiền nợ mà ông còn thiếu. Ông Sự không yêu cầu định giá 09 giỏ cam, ông thống nhất giá trị 4.000.000 đồng. Nay tại Toà do ông đã đồng ý trả số tiền 19.000.000 đồng cho ông Trân nên ông xin tự nguyện rút lại đơn khởi kiện phản tố nêu trên.

Bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: bà là vợ của ông Cao Văn Tr, việc ông Sự và chồng bà mua bán cam là có thật, ông Sự đã trả đủ số tiền mua cam 360.000.000 đồng sau đó ông Sự có hỏi mượn lại ông Trân số tiền 30.000.000 đồng. Còn việc ông Sự đã trả cho ông Trân bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Ông Sự có bẻ cam và để các giỏ cam trong vườn là có nhưng vợ chồng bà không có bán mà để hư hỏng hết. Nay bà cũng đồng ý theo yêu cầu của ông Trân.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thoả thuận của ông Cao Văn Tr và ông Lê Văn Sự, ông Lê Văn Sđồng ý trả cho ông Cao Văn Tr số tiền còn thiếu 19.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Lê Văn Sự; về án phí buộc ông Lê Văn Schịu nộp án phí theo quy định, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Cao Văn Tr và ông Lê Văn Sđã nộp tạm ứng trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Cao Văn Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh giải quyết buộc ông Lê Văn S(Dự) cư trú ấp Ngọc Hồ, xã Tam Ngãi, huyện CK, tỉnh Trà Vinh phải trả lại số tiền vay còn thiếu 19.000.000 đồng; Trong quá trình giải quyết ông Lê Văn Scó đơn khởi kiện phản tố yêu cầu ông Cao Văn Tr trả lại giá trị 09 giở cam tương đương 4.000.000 đồng ông Lê Văn Sđã bỏ lại vườn nhà ông Cao Văn Tr. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định lại là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay tiền) và đòi lại tài sản*" và vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản (vay tiền) đề ngày 16/3/2020 âm lịch của ông Cao Văn Tr cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản của ông Cao Văn Tr cho ông Lê Văn S(Dự) vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 16/3/2020 âm lịch nhằm ngày 08/4/2020 dương lịch là có thật. Bởi lẽ, việc này được chứng minh bằng văn bản do phía ông Lê Văn S(Dự) viết tay, đồng thời cũng được ông Lê Văn Slà bị đơn xác nhận là có vay của ông Cao Văn Tr số tiền nêu trên. Căn cứ theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự *"Những tình tiết, sự*

kiện không phải chứng minh", việc có vay số tiền 30.000.000 đồng của ông Cao Văn Tr đã được ông Lê Văn Sthừa nhận.

[3] Xét đơn khởi kiện của ông Cao Văn Tr yêu cầu ông Lê Văn S(Dự) trả số tiền còn thiếu 19.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay tiền giữa ông Trân và ông Sự là có thật, vay có thời hạn và vay không có lãi. Số tiền vốn gốc là 30.000.000 đồng. Sau thời gian vay phía bị đơn là ông Lê Văn Scó thanh toán cho bên nguyên đơn ông Cao Văn Tr, tuy nhiên trước đây ông Sự và ông Trân không thống nhất số tiền đã trả. Ông Sự cho rằng đã trả cho ông Trân hết 24.000.000 đồng chỉ còn thiếu lại 6.000.000 đồng cụ thể lần 1 trả được 4.000.000 đồng, lần hai trả được 7.000.000 đồng, lần ba trả được 6.000.000 đồng còn lại 13.000.000 đồng ông Trân thấy ông bị lỗ tiền mua cam nên giảm bớt tiền nợ cho ông số tiền 7.000.000 đồng do đó hiện nay ông chỉ còn thiếu ông Trân số tiền là 6.000.000 đồng, ông Trân chỉ thừa nhận ông Sự trả 02 lần bằng 11.000.000 đồng, còn nợ lại 19.000.000 đồng và yêu cầu trả. Tại Toà hôm nay ông Trân chỉ thừa nhận ông Sự trả 11.000.000 đồng số tiền còn lại không thừa nhận. Tòa án cũng đã ban hành quyết định yêu cầu ông Sự cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng ông Sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông Trân đã nhận tiền đã trả nợ. Do không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền theo lời trình bày của mình nên ông Lê Văn S(Dự) cũng đồng ý trả số tiền còn nợ 19.000.000 đồng cho ông Trân. Đây là ý chí tự nguyện trả nợ của ông Sự và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự tự nguyện thoả thuận của ông Cao Văn Tr và ông Lê Văn Sự, ông Lê Văn Sđồng ý trả số tiền còn thiếu 19.000.000 đồng cho ông Cao Văn Tr là có sơ sở pháp luật, phù hợp với những chứng cứ mà các bên đã cung cấp và Tòa án đã thu thập được.

[4] Xét đơn khởi kiện phản tố của ông Lê Văn Svề việc yêu cầu ông Cao Văn Tr cấn trừ số tiền mua bán cam giá trị khoảng 4.000.000 đồng. Tại Toà hôm nay do ông Lê Văn Stự nguyện đồng ý trả cho ông Cao Văn Tr số tiền còn thiếu 19.000.000 đồng nên ông Sự không yêu cầu phản tố để đòi số tiền cam tương đương 4.000.000 đồng nữa và ông Sự cũng yêu cầu được rút lại đơn khởi kiện phản tố nêu trên. Vấn đề này thấy rằng: Tại toà hôm nay ông Lê Văn Sđã đồng ý trả cho ông Cao Văn Tr số tiền nợ còn thiếu và xin rút lại đơn khởi kiện phản tố, việc rút đơn là tự nguyện không ai ép buộc. Hội đồng xét xử nghỉ nên chấp nhận việc rút lại đơn khởi kiện phản tố này của ông Sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về lãi suất hợp đồng vay tài sản: ông Lê Văn Trkhông yêu cầu tính lãi cho số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc ông Lê Văn Sphải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông Cao Văn Tr và ông Lê Văn Stiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39; 147; 217; 218 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463; 465; 466; 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự tự nguyện thoả thuận của ông Cao Văn Tr và ông Lê Văn S(Dự). Ông Lê Văn S(Dự) đồng ý trả cho ông Cao Văn Tr số tiền nợ vay còn thiếu là 19.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Cao Văn Tr không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu theo đơn khởi kiện phản tố của ông Lê Văn Syêu cầu ông Cao Văn Tr cấn trừ số tiền bán 09 giỏ cam tương đương số tiền 4.000.000 đồng vào số tiền nợ chưa trả.

Về án phí:

Buộc ông Lê Văn S(Dự) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 950.000 đồng. Hoàn trả cho ông Lê Văn S(Dự) tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0005536 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CK. Số tiền này được trừ vào số tiền chịu nộp án phí của ông Lê Văn S(Dự) (950.000 đồng – 300.000 đồng = 650.000 đồng) số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn S(Dự) còn phải chịu nộp là 650.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn Trsố tiền tạm ứng án phí 475.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003821 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CK.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi

hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện CK;
- CCTHADS huyện CK;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diêu Hoàng Tiếp